

Thứ năm, ngày 5 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tăng điểm trở lại

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/3/2020		•	
Tuần 2/3-6/3/2020		•	
Tháng 3/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ đầu phiên sáng, VN-Index đã hồi phục mạnh mẽ lên quanh ngưỡng 895 điểm. Các mã cổ phiếu trụ cột như VCB, BID, VPB, GAS, CTG giữ vai trò nâng đỡ quan trọng. Đến phiên chiều, thị trường ít có biến động và chủ yếu vận động tích cực sát ngưỡng 895 điểm. Tuy vậy, cung bán gia tăng vào phiên ATC đã phần nào cản trở đà tăng của VN-Index, đẩy chỉ số vào trạng thái giằng co sát mốc tham chiếu. Sự phân hóa của nhóm Ngân hàng, và áp lực của FPT, VNM khiến cho chỉ số chỉ tăng nhẹ 0.4%. Thị trường nhìn chung khá cân bằng khi biên độ dao động hẹp cùng với thanh khoản duy trì mức trung bình thấp. Trong ngày mai, thị trường dự kiến cũng sẽ có biến động nhất định khi ETF FTSE công bố danh mục quý I và sẽ thực hiện giao dịch trong tuần tiếp đó. Nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục kì cơ cấu lần này của ETF FTSE do BSC dự kiến tại đây.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 855 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 05/03/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

Danh mục i-Invest: Theme_Ngành Dược_ 1.5%. 15/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất khả quan. Đặc biệt, danh mục **Ngành Dược** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.5%**, con số này của VNINDEX là 0.4%.

Phân tích kỹ thuật: BSR_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: CTG, STB, KSB, TIG, TAR

Điểm nhấn

- VN-Index **+3.94 điểm**, đóng cửa 893.31. HNX-Index **+1.01 điểm**, đóng cửa 115.03.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.53); HVN (+0.68); MSN (+0.67); BID (+0.59); VPB (+0.51).**
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-0.32); TCB (-0.25); FPT (-0.17); STB (-0.15); VNM (-0.15).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,919 tỷ đồng**, **+10%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.23 điểm. Thị trường có 167 mã tăng, 73 mã tham chiếu và 179 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **10.42 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm STB (13.03 tỷ), HPG (10.33 tỷ) và CTG (7.77 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **303.21 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Ví mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

893.31

Giá trị: 2919.92 tỷ

3.94 (0.44%)

Khối ngoại (ròng): -10.42 tỷ

HNX-INDEX

115.03

Giá trị: 1307.77 tỷ

1.01 (0.89%)

Khối ngoại (ròng): -303.21 tỷ

UPCOM-INDEX

55.45

Giá trị: 0.26 tỷ

-0.09 (-0.16%)

Khối ngoại(ròng): 29.79 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	46.9	0.19%
Giá vàng	1,643	0.39%
Tỷ giá USD/VND	23,215	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,845	-0.13%
Tỷ giá JPY/VND	21,693	0.51%
LS liên NH 1 tháng	2.8%	4.92%
LS TPCP 5 năm	1.7%	0.29%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	12.9	SHB	303.8
VHM	11.2	STB	13.1
BID	9.8	HPG	10.3
VCI	3.5	CTG	7.8
SSI	6.1	FRT	6.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Phân tích kỹ thuật

BSR_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: BSR vẫn đang ở trong trạng thái dao động tích lũy tại khu vực 7.2-8.5 trong năm nay sau khi đã có xu hướng giảm vào cuối năm ngoái. Thanh khoản cổ phiếu thời gian gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo kỹ thuật hầu hết đều đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, các đường EMA đã tạo Golden Cross đánh dấu sự kết thúc của quãng thời gian kém tươi sáng của BSR. Chỉ báo động lượng RSI đang tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua nên dư địa tăng là vẫn còn. Theo đánh giá của chúng tôi, nếu duy trì được động lực tăng giá, BSR tiềm năng sẽ tiếp cận vùng giá 9 trước khi hướng tới những mục tiêu cao hơn trong tương lai.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 5/3/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 5/3	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	47.47	1.47%	0.81%	-5.59%	-18.55%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	51.90	1.51%	0.33%	-4.12%	-20.92%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	157.39	1.18%	3.51%	-3.73%	-12.10%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1638.14	0.08%	-0.42%	5.49%	25.38%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.18	-0.23%	-3.37%	-2.38%	11.73%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	909.00	0.19%	1.56%	2.05%	-5.34%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	518.75	0.10%	-1.66%	-6.32%	3.29%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.32	-0.12%	-0.91%	-8.06%	3.62%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	172.80	1.35%	-4.21%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.47	-2.11%	-7.36%	-6.13%	-2.53%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	118.40	-3.11%	7.00%	12.87%	3.05%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5684.00	0.31%	0.25%	2.88%	-12.12%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3472.00	0.67%	1.34%	6.65%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1726.00	0.23%	1.77%	2.34%	-7.50%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	663.00	1.69%	4.17%	13.97%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	66.05	-0.60%	0.15%	-2.00%	-24.90%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent dầu thô Brent giảm 73 US cent hay 1.4% xuống 51.13 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 0.4 USD xuống 46.78 USD/thùng.
- Saudi Arabia và các thành viên OPEC khác đang thuyết phục Nga tham gia cắt giảm sản lượng dầu lớn để hỗ trợ giá. Tổ chức này muốn cắt giảm ít nhất 1 triệu thùng dầu nữa mỗi ngày khỏi thị trường.
- Goldman Sachs một lần nữa cắt giảm dự báo giá dầu Brent xuống 45 USD/thùng trong tháng 4, trong khi dự đoán dầu Brent dần phục hồi lên 60 USD/thùng vào cuối năm nay. Morgan Stanley cũng giảm dự báo giá dầu thô Brent trong quý 2 xuống 55 USD/thùng và triển vọng WTI xuống 50 USD/thùng do dự đoán tăng trưởng nhu cầu dầu của Trung Quốc năm 2020 sẽ gần bằng 0 và nhu cầu ở những nơi khác có thể suy yếu.
- Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ cho biết dự trữ dầu thô tại Mỹ tăng 785,000 thùng, ít hơn dự kiến. Dự trữ xăng và dầu diesel cả hai đều giảm hơn 4 triệu thùng. Xuất khẩu của Mỹ tăng vọt lên gần 4.2 triệu thùng/ngày.

Giá vàng

- Vàng giao ngay ổn định tại 1,639.43 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 giảm 0.1% xuống 1,643 USD.
- Chỉ số USD phục hồi 0.4% từ mức thấp 2 tháng trong phiên trước đó đang hạn chế đà tăng của vàng. Các thị trường hiện đang chờ đợi báo cáo của Fed, sẽ đưa ra bức ảnh đầu tiên về các liên hệ kinh doanh của ngân hàng trung ương với mức độ virus corona ảnh hưởng sâu sắc đến nền kinh tế trong nước.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên sàn giao dịch Đại Liên tăng 0.9% lên 660 CNY (95.13 USD)/tấn. Quặng sắt Trung Quốc đóng cửa tăng trong phiên thứ 3 liên tiếp do lạc quan rằng hỗ trợ chính sách nhiều hơn sẽ được triển khai để giảm thiểu rủi ro kinh tế từ sự bùng phát của virus corona.
- Ngân hàng trung ương Trung Quốc giữ chi phí vay trong ngắn hạn ổn định bất chấp Cục dự trữ liên bang Mỹ cắt giảm lãi suất khẩn cấp, nhưng các thị trường kỳ vọng chính phủ Trung Quốc sẽ dần thực hiện thêm các biện pháp nới lỏng để hỗ trợ nền kinh tế nước này. Bắc Kinh đã đưa ra các chính sách hỗ trợ thuế và tài chính cho doanh nghiệp bị thiệt hại bởi dịch bệnh, nhưng số liệu hoạt động sản xuất phát hành trong những ngày gần đây cho thấy tính thiết của các biện pháp kích thích bổ sung.

Giá nông sản

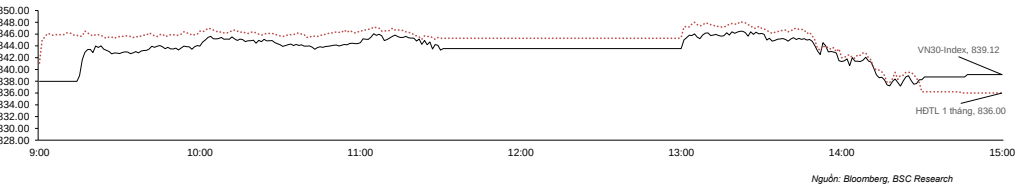
- Đường thô kỳ hạn tháng 5 giảm 0.29 US cent hay 2.1% xuống 13.47 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 5 trên sàn London giảm 4.5 USD hay 1.2% xuống 384.7 USD/tấn. Đường mất đà do lo ngại sự bùng phát của virus corona sẽ ảnh hưởng mạnh tới tăng trưởng toàn cầu. Việc bất ngờ cắt giảm lãi suất của Cục dự trữ liên bang Mỹ cho tới nay có hiệu quả rất ít để ngăn chặn bầu không khí lo sợ này.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 5 đóng cửa giảm 3.8 US cent hay 3.1% xuống 1.184 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 5 giảm 24 USD hay 1.8% xuống 1,307 USD/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn TOCOM giảm 3.5 JPY hay 2% xuống 170.5 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 5 trên sàn Thượng Hải giảm 45 CNY đóng cửa tại 11,060 CNY (1.596 USD)/tấn.
- Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) giảm do việc cắt giảm lãi suất khẩn cấp của Fed không làm yên lòng các nhà đầu tư về tác động tới kinh tế toàn cầu của virus corona.

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2003	836.00	-0.61%	-3.12	-14.7%	105,182	3/19/2020	14
VN30F2004	838.80	-0.43%	-0.32	50.4%	346	4/16/2020	42
VN30F2006	844.50	-0.65%	5.38	105.6%	111	6/18/2020	105
VN30F2009	846.00	-0.07%	6.88	57.9%	30	9/17/2020	196

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng nhẹ 1.13 điểm lên mức 839.12 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, MSN, VJC, VCB, và VHM tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng tích cực đầu phiên trước khi tích lũy quanh 845 điểm trong phần lớn thời gian giao dịch. VN30 giảm mạnh cuối phiên xuống dưới 840 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể tiếp tục tích lũy quanh vùng 825-840 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2003 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2004 và VN30F2009 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tăng trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 855 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá lý thuyết	Price/Value
CVHM1902	SSI	4/22/2020	48	1:1	37,420	45.7%	1.0 triệu	21.84%	18,600	4,210	24.93%	766.30	5.49
CVIC1902	SSI	4/22/2020	48	1:1	12,400	57.0%	1.0 triệu	16.27%	22,700	3,990	18.75%	274.50	14.54
CMSN2001	KIS	12/16/2020	286	5:1	113,910	44.3%	2.0 triệu	27.79%	2,300	1,380	12.20%	200.70	6.88
CVRE2002	HSC	6/22/2020	109	4:1	182,190	1038.0%	5.0 triệu	25.74%	1,400	520	8.33%	143.80	3.62
CVPB2001	HSC	6/22/2020	109	2:1	63,360	256.2%	5.0 triệu	27.44%	1,500	4,320	7.73%	3,727.40	1.16
CTCB1902	VND	6/5/2020	92	1:1	23,600	-22.4%	2.0 triệu	24.42%	5,300	3,060	3.03%	2,203.80	1.39
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	139	1:1	15,050	n/a	1.5 triệu	27.44%	2,200	7,600	0.80%	5,714.30	1.33
CHPG2003	MBS	5/4/2020	60	3:1	288,040	20.1%	6.0 triệu	26.31%	1,570	680	-1.45%	1.20	566.67
CHPG1907	SSI	4/22/2020	48	1:1	46,130	-68.9%	1.0 triệu	26.31%	4,200	2,480	-1.59%	1,779.20	1.39
CHPG1909	KIS	5/15/2020	71	2:1	484,500	325.2%	5.0 triệu	26.31%	1,800	580	-1.69%	176.30	3.29
CMBB2001	HSC	6/22/2020	109	3:1	197,950	214.5%	5.0 triệu	22.15%	1,600	1,130	-1.74%	514.60	2.20
CMWG2002	MBS	4/24/2020	50	10:1	111,640	-49.8%	2.0 triệu	23.87%	1,950	1,080	-4.42%	500.30	2.16
CHDB2002	MBS	4/10/2020	36	2:1	148,780	-30.5%	1.5 triệu	24.02%	1,950	1,500	-4.46%	1,208.80	1.24
CSTB2001	KIS	6/19/2020	106	1:1	203,500	17.4%	5.0 triệu	24.27%	1,500	2,260	-5.44%	1,761.90	1.28
CFPT1908	MBS	6/17/2020	104	3:1	79,290	-68.9%	2.4 triệu	23.64%	3,150	2,050	-5.96%	1,332.80	1.54
CMWG1907	HSC	4/8/2020	34	10:1	768,680	-3.4%	5.0 triệu	23.87%	1,900	140	-6.67%	4.50	31.11
CMBB1905	HSC	4/8/2020	34	2:1	210,700	-62.6%	5.0 triệu	22.15%	1,700	270	-6.90%	25.40	10.63
CVNM1903	SSI	4/22/2020	48	1:1	30,040	125.9%	1.0 triệu	20.63%	26,600	2,820	-6.93%	152.00	18.55
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	50	5:1	127,770	15.1%	2.0 triệu	21.30%	2,200	1,050	-8.70%	453.50	2.32
CFPT1905	SSI	4/22/2020	48	3:1	32,200	-30.4%	1.0 triệu	23.64%	9,900	3,340	-8.99%	2,350.30	1.42
CVJC1902	SSI	4/22/2020	48	1:1	12,300	38.2%	1.0 triệu	17.47%	27,900	5,630	-12.98%	692.10	8.13
CROS2001	KIS	6/19/2020	106	3:1	852,070	-42.3%	10.0 triệu	50.13%	1,500	110	-15.38%	-	-
Tổng:					4,041,520		70.40 triệu	24.86%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất			CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%			Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
					**Trung bình độ lệch chuẩn			*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 05/03/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

• Về giá, CVHM1902 và CVIC1902 tăng mạnh lần lượt là 24.93% và 18.75%. Trái lại, CVJC1902 giảm mạnh -12.98%. Thanh khoản thị trường giảm -19.46%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.36% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HDB, STB, và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2003 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2002 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	27.85	2.58	1.63
MSN	50.90	3.88	1.21
VJC	123.00	1.40	0.61
VCB	83.10	1.71	0.57
VHM	81.00	0.62	0.25

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	22.3	-1.11	-0.78
STB	12.2	-2.40	-0.74
FPT	54.6	-1.62	-0.67
EIB	17.3	-1.14	-0.29
VNM	104.5	-0.29	-0.23

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKKS
CVHM1902	103,600	85,000	81,000
CVIC1902	137,700	115,000	105,600
CMSN2001	77,289	65,789	50,900
CVRE2002	37,600	32,000	28,600
CVPB2001	23,000	20,000	27,850
CTCB1902	26,300	21,000	22,300
CVPB2003	24,200	22,000	27,850
CHPG2003	26,810	22,100	22,350
CHPG1907	25,200	21,000	22,350
CHPG1909	28,280	24,680	22,350
CMBB2001	24,200	21,000	20,650
CMWG2002	129,500	110,000	105,500
CHDB2002	29,900	26,000	28,000
CSTB2001	12,499	10,999	12,200
CFPT1908	63,450	54,000	54,600
CMWG1907	144,000	125,000	105,500
CMBB1905	26,400	23,000	20,650
CVNM1903	145,580	118,980	104,500
CPNJ2001	94,500	83,500	81,700
CFPT1905	64,900	55,000	54,600
CVJC1902	157,900	130,000	123,000
CROS2001	32,468	26,468	7,450

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	105.5	-0.5%	0.8	2,079	3.1	8,655	12.2	3.8	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	81.7	-0.6%	1.1	800	1.1	5,327	15.3	4.0	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	55.2	-0.9%	1.3	1,782	0.4	1,632	33.8	2.1	29.3%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	30.8	-0.6%	0.7	309	0.0	2,623	11.7	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	105.6	0.1%	0.9	15,530	1.6	2,268	46.6	4.7	14.7%	11.7%
VRE	Bất động sản	28.6	0.5%	1.1	2,826	1.1	1,253	22.8	2.4	32.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.9	0.2%	0.8	2,272	1.5	3,552	15.2	2.3	6.4%	16.6%
REE	Bất động sản	32.2	-0.6%	1.0	434	0.6	5,286	6.1	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	12.9	-0.8%	1.6	293	0.9	2,850	4.5	1.0	43.3%	20.3%
SSI	Chứng khoán	16.8	3.4%	1.4	378	2.4	1,787	9.4	0.9	53.7%	9.9%
VCI	Chứng khoán	26.4	1.5%	1.0	189	0.1	4,218	6.3	1.1	35.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.2	2.3%	1.8	241	1.3	1,421	12.8	1.3	54.9%	11.7%
FPT	Công nghệ	54.6	-1.6%	0.8	1,610	3.1	4,225	12.9	2.6	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	48.0	4.3%	0.4	519	0.0	4,812	10.0	2.5	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	78.1	0.0%	1.5	6,499	0.9	6,096	12.8	3.1	3.6%	25.5%
PLX	Dầu khí	50.3	0.0%	1.5	2,604	0.4	3,495	14.4	2.6	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	15.2	-1.3%	1.5	316	1.7	1,529	9.9	0.6	20.3%	6.2%
BSR	Dầu khí	8.3	2.5%	0.8	1,119	1.0	1,163	7.1	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.9	0.1%	0.5	534	0.2	4,668	20.1	3.6	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.6	-1.2%	0.6	214	0.3	774	16.3	0.6	18.9%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.2	-1.3%	0.6	142	0.1	600	10.3	0.5	2.1%	5.2%
VCB	Ngân hàng	83.1	1.7%	1.2	13,400	3.0	5,004	16.6	3.6	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	46.7	1.1%	1.7	8,158	1.8	2,398	19.5	2.5	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	26.2	-1.1%	1.5	4,233	6.9	2,541	10.3	1.3	29.7%	13.1%
VPB	Ngân hàng	27.9	2.6%	1.2	2,952	6.1	3,370	8.3	1.6	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	20.7	-0.5%	1.1	2,165	4.1	3,480	5.9	1.3	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	25.6	-0.8%	1.2	1,844	6.7	3,686	6.9	1.5	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	41.9	0.2%	0.8	149	0.3	5,165	8.1	1.4	79.5%	17.2%
NTP	Nhựa	30.2	6.0%	0.3	129	0.0	4,167	7.2	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.8	0.0%	1.1	637	0.0	732	20.2	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.4	0.0%	1.0	2,683	2.5	2,581	8.7	1.3	38.5%	17.0%
HSG	Thép	7.7	0.0%	1.8	142	0.7	1,161	6.6	0.6	18.1%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	104.5	-0.3%	0.8	7,912	2.0	5,478	19.1	6.6	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	169.0	0.0%	0.8	4,712	0.5	7,477	22.6	5.8	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	50.9	3.9%	1.2	2,587	3.9	4,772	10.7	1.4	38.4%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	20.9	-0.2%	0.4	532	2.2	508	41.1	1.7	6.8%	4.4%
ACV	Vận tải	61.0	4.6%	0.8	5,774	0.5	2,630	23.2	4.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	123.0	1.4%	1.1	2,801	2.2	7,889	15.6	4.2	19.5%	28.7%
HVN	Vận tải	25.8	6.4%	1.7	1,591	2.4	1,640	15.7	2.0	9.9%	12.8%
GMD	Vận tải	19.2	0.3%	0.9	248	0.2	1,595	12.0	1.0	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	12.6	4.6%	0.6	154	0.5	2,421	5.2	0.8	31.0%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	68.0	1.2%	1.1	473	1.0	8,824	7.7	3.2	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.5	0.0%	0.7	361	0.4	1,454	12.7	1.3	13.3%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.7	-2.8%	0.9	227	0.1	1,953	7.0	1.0	6.5%	14.2%
CTD	Xây dựng	67.2	-1.9%	1.0	223	0.6	8,858	7.6	0.6	46.8%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.5	0.0%	0.9	490	0.1	1,567	16.3	1.7	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	22.7	0.2%	0.4	245	0.2	2,769	8.2	1.0	49.9%	12.9%
POW	Điện	10.2	2.4%	0.6	1,039	1.6	1,064	9.6	0.9	12.9%	9.7%
NT2	Điện	19.9	-0.3%	0.5	249	0.2	2,560	7.8	1.4	18.5%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	83.10	1.71	1.51	833710.00
MSN	50.90	3.88	0.65	1.78MLN
HVN	25.80	6.39	0.64	2.16MLN
BID	46.65	1.08	0.59	872610.00
VPB	27.85	2.58	0.50	4.98MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	0.00	-0.33	6.00MLN	1.11MLN
TCB	0.00	-0.25	2.02MLN	607060.00
FPT	0.00	-0.18	1.30MLN	373600.00
STB	0.00	-0.16	17.52MLN	192700.00
VNM	0.00	-0.15	438020.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SCS	111.80	6.99	0.11	18110.00
TMT	5.24	6.94	0.00	3350.00
BCG	6.63	6.94	0.01	1.04MLN
DRH	6.63	6.94	0.01	1.50MLN
HID	2.93	6.93	0.00	1.10MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVG	6.51	-7.00	-0.03	48730.00
PTC	4.92	-6.99	0.00	50.00
CMV	17.30	-6.99	-0.01	10.00
MCP	14.80	-6.92	-0.01	70.00
CDC	15.55	-6.89	-0.01	60.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	12.90	7.50	1.20	65.58MLN
NTP	30.20	5.96	0.05	37500.00
NVB	8.90	1.14	0.04	2.47MLN
MBG	17.70	9.94	0.03	3.23MLN
CEO	8.40	2.44	0.03	912100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.60	-0.78	-0.32	5.96MLN
PVS	15.20	-1.30	-0.05	2.51MLN
V21	32.90	-9.86	-0.04	100.00
HUT	2.00	-4.76	-0.02	887600.00
TVC	28.50	-1.72	-0.02	235600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

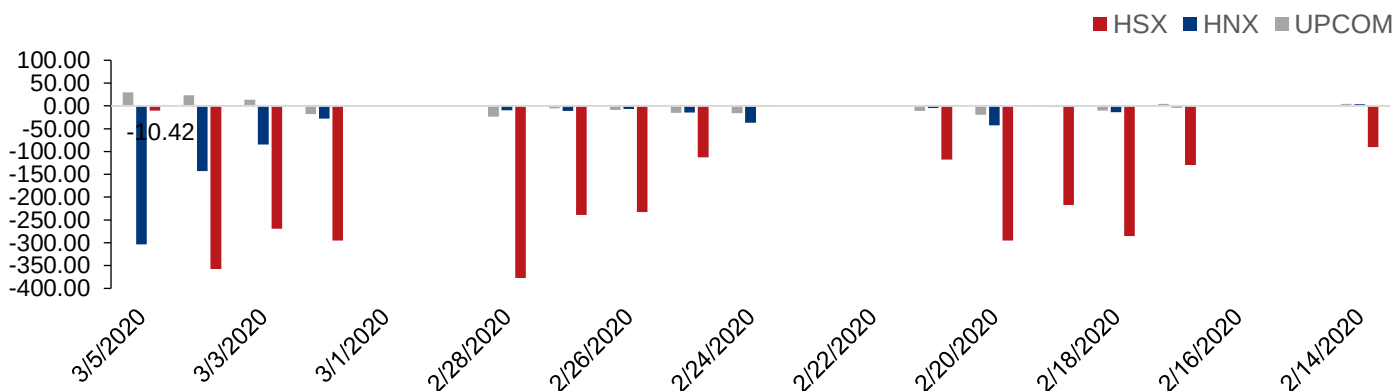
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.90	12.5	0.00	379800.00
ALT	11.00	10.0	0.00	1200.00
KKC	6.60	10.0	0.00	1300.00
LM7	5.50	10.0	0.00	100.00
MBG	17.70	9.9	0.03	3.23MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SDN	22.70	-9.92	0.00	100.00
V21	32.90	-9.86	-0.04	100.00
LDP	26.00	-9.72	0.00	100.00
L35	9.60	-9.43	0.00	1000.00
KVC	1.00	-9.09	-0.01	40800.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
3	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
7	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
8	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
13	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
15	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	104.5	5,478	19.1	6.6	Click
2	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.6	2,736	4.6	0.7	Click
3	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	105.5	8,655	12.2	3.8	Click
4	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	32.1	6,362	5.0	1.2	Click
5	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	54.6	4,225	12.9	2.6	Click
6	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	22.2	2,109	10.5	1.6	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	26.3	3,897	6.7	1.2	Click
8	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	93.9	4,668	20.1	3.6	Click
9	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	26.4	5,020	5.3	1.2	Click
10	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	81.7	5,327	15.3	4.0	Click
11	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	12.6	2,421	5.2	0.8	Click
12	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	168.0	14,782	11.4	4.6	Click
13	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	12.4	0	35.4	0.4	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	105.5	8,655	12.2	3.8	Click
15	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	25.6	3,686	6.9	1.5	Click
16	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.6	2,736	4.6	0.7	Click
17	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	22.3	2,881	7.7	1.3	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	83.1	5,004	16.6	3.6	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	26.3	7,028	3.7	1.3	Click
20	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	54.6	4,225	12.9	2.6	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VNM 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 127300 ; Giá tại Publish 106400 BSC dự báo KQKD 2020 của VNM với DTT và LNST lần lượt là 62,211 tỷ đồng (+ 10.46% YoY) và 11,281.8 tỷ đồng (+6.6% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 5,840 VND/CP (đã trừ QKTPL), PE fw = 18.2x, và PB fw = 5.4x. VNM DTT tăng trưởng ổn định đạt 56,318 tỷ đồng (+7.1% YoY) tính riêng Quý 4 đạt 14,239 tỷ đồng (tăng +9.5% YoY). BLNG cải thiện lên 47.2% trong 2019 tăng 46 điểm cơ bản so với cùng kì.
Express QNS 2020Q1	17/02/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 35450 ; Giá tại Publish 29000 BSC khuyến nghị MUA cổ phiếu QNS với giá mục tiêu 35,450 đồng/CP dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 7.0x , upside 20% Y/Y so với giá ngày 14/02/2020 là 29,500 đồng/cp. BSC dự báo DTT và LNST của QNS 2020 sẽ đạt lần lượt là 9,471.5 tỷ đồng (+22.6% YoY) và 1,400.9 tỷ đồng (+9.5% YoY), tương đương EPS 2020 là 4,685 vnd/cp (đã trừ đi QKTPL), PE fw là 6.4x và PB Fw là 1.2x.
Express SAB 2020Q1	10/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 190000 ; Giá tại Publish 195000 BSC cho rằng nghị định 100/2019 và dịch bệnh Corona sẽ ảnh hưởng tiêu cực của HDKD ngành bia và đặc biệt SAB trong 2020. Chúng tôi cho rằng sản lượng bia thông qua kênh on-trade (chiếm gần 70-80% doanh thu) sẽ giảm đáng kể từ 15-20% do nhu cầu tiêu thụ bia rượu ở các quán ăn giảm mạnh do ND 100 và dịch bệnh nCoV. Bên cạnh đó, giá bán bia sẽ điều chỉnh giảm theo cung-cầu của thị trường từ 5-10%. Trong trường hợp xấu nhất, BSC dự báo KQKD SAB 2020 với DTT và LNST đạt lần lượt 30,461 tỷ đồng (-20% YoY) và 4,936 tỷ đồng (-8.1% YoY) , tương ứng EPS FW là 6,939 vnd/cp.
Express GTN 2020Q1	15/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu; Giá tại Publish DT và LN TT hợp nhất năm 2020 dự kiến đạt 2,909 tỷ (-2.1%) và 159 tỷ (tăng 16 lần so với 2019). Ảnh hưởng của nCoV: + Đối với VNM: xuất khẩu vào Trung Quốc vẫn chưa ảnh hưởng do xuất khẩu chính ngạch bằng đường thủy (cảng chưa bị cấm). Đồng thời, có dịch thì người dân Trung Quốc dự kiến tăng tiêu thụ các sản phẩm dinh dưỡng, tăng sức đề kháng. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi kênh trường học do học sinh nghỉ kéo dài. Đối với việc đảo lộn về sản xuất, VNM chỉ có tồn kho 1 tháng nên có thể thay đổi sản lượng sản xuất nhanh.
VHC 2020Q1	21/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 35000 ; Giá tại Publish 34450 Năm 2020, BSC dự báo năm 2020 doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của VHC lần lượt đạt 8,645 tỷ (+9.9% YoY) và 956 tỷ (-18.9% YoY) (giảm lần lượt 23.0% và 38.4% doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với dự phóng trước). EPS dự phóng 2020 đạt 5,197 VND/cp, tương đương với PE fw 2020 là 6.6. Ảnh hưởng bởi dịch bệnh nCoV khiến nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc giảm. Các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu vào Mỹ trong trường hợp thuế POR 15 chính thức là 0% (POR15 sơ bộ đang là 0%).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn